

Quyết định số: 18/2023/HS-GĐT
Ngày 14 tháng 3 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thiện

Các Thẩm phán: ông Quảng Đức Tuyên

ông Phan Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: bà Trương Thị Cẩm Linh - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

1. Lê Minh T, sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Nai; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Lê Minh Q, sinh năm 1952 và bà Huỳnh Hồng H, sinh năm 1958; là con thứ ba trong gia đình có 05 anh chị em; có vợ là Ngô Thị L, sinh năm 1986; có 03 con (sinh năm 2014, năm 2016 và năm 2020); tiền án, tiền sự: không.

2. Đặng Văn T1, sinh năm 1989 tại tỉnh Nghệ An; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm A, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; tạm trú tại: Tổ D, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Đặng Công L1, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị H1, sinh năm

1962; là con thứ ba trong gia đình có 05 anh chị em; có vợ là Hoàng Thị T2, sinh năm 1994; có 03 con (sinh năm 2013, năm 2015 và năm 2017); tiền án, tiền sự: không.

3. Lê Văn L2, sinh năm 1995 tại tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm V, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú tại: Tổ F, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Lê Văn Ú, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1965; là con thứ ba trong gia đình có 03 anh chị em; có vợ là Phạm Thị Kim U, sinh năm 1997; có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

4. Lương Văn T3, sinh năm 1997 tại tỉnh Nghệ An; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Lương Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Đinh Thị M, sinh năm 1969; là con thứ tư trong gia đình có 04 anh chị em; tiền án, tiền sự: không.

5. Ngô Kim N, sinh năm 1990 tại tỉnh Nghệ An; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Ngô Văn C, sinh năm 1936 và bà Vũ Thị L3, sinh năm 1957; là con một của gia đình; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

6. Nguyễn Văn L4, sinh năm 1983 tại tỉnh Bắc Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; tạm trú tại: khu phố L, thị trấn T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Nguyễn Quang L5, sinh năm 1954 và bà Lê Thị H3, sinh năm 1955; là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh chị em; có vợ là Hoàng Thị T4, sinh năm 1982; có 02 con (sinh năm 2007 và năm 2011); tiền án: ngày 28/01/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 tháng 01 ngày tù về tội “Đánh bạc” (thời hạn bị xử phạt tù bằng thời hạn đã bị tạm giam); tiền sự: không; nhân thân: ngày 15/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 08 tháng, đã chấp hành xong hình phạt; ngày 10/6/2014, bị Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

7. Nguyễn Thị Thanh C1, sinh năm 1989 tại tỉnh Quảng Nam; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tạm trú tại: Tổ B, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 10/12; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1963 và bà Hồ Thị H4, sinh năm 1970; là con thứ hai trong gia đình có 02 anh chị em; có chồng là Phan Quốc N1, sinh năm 1986; có 02 con (sinh năm 2016 và năm 2018); tiền án, tiền sự: không.

8. Hoàng Anh D, sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Hoàng Quang P, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị L6, sinh năm 1964; là con thứ sáu trong gia đình có 07 anh chị em; tiền án, tiền sự: không.

9. Vũ Thị H5, sinh năm 1976 tại tỉnh Hải Dương; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 08/12; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Lê Hồng T5, sinh năm 1934 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1934; là con thứ năm trong gia đình có 05 anh chị em; có chồng là Vũ Thế T6, sinh năm 1973; có 03 con (sinh năm 1993, năm 1997 và năm 2005); tiền án, tiền sự: không.

10. Trần Quốc S, sinh năm 1985 tại tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ B, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Trần Trí T7, sinh năm 1947 và bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1950; là con thứ hai trong gia đình có 03 anh chị em; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/4/2017, bị Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ”, đóng tiền phạt ngày 20/4/2017.

11. Phạm Văn Q1, sinh năm 1982 tại thành phố Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Phạm Văn T8, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L7, sinh năm 1957; là con thứ ba trong gia đình có 03 anh chị em; có vợ là Phạm Thị M1, sinh năm 1988; có 02 con (sinh năm 2013 và năm 2014); tiền án, tiền sự: không.

12. Lương Văn Đ1, sinh năm 1990 tại tỉnh Bạc Liêu; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú tại: khu phố M (ấp A cũ), thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Lương Văn S1, sinh năm 1963 và bà Bùi Thị H6, sinh năm 1961;

là con thứ ba trong gia đình có 03 anh chị em; có vợ là Nguyễn Thanh M2, sinh năm 1989; có 02 con (sinh năm 2013 và năm 2017); tiền án, tiền sự: không.

13. Hồ Văn T9, sinh năm 1985 tại tỉnh Nghệ An; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: khu H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: thợ cửa sắt; con ông Hồ Văn T10, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị R, sinh năm 1956; là con thứ tư gia đình có 05 anh chị em; có vợ là Nguyễn Thị L8, sinh năm 1985; có 02 con (sinh năm 2007 và năm 2014); tiền án, tiền sự: không.

14. Bùi Văn T11, sinh năm 1970 tại thành phố Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp D, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 02/12; nghề nghiệp: thợ xây; con ông Bùi Văn M3, sinh năm 1930 và bà Vũ Thị G, sinh năm 1930; là con thứ sáu trong gia đình có 06 anh chị em; có vợ là Vũ Thị T12, sinh năm 1976; có 02 con (sinh năm 2000 và năm 2009); tiền án, tiền sự: không.

15. Vũ Văn T13, sinh năm 1984 tại tỉnh Thanh Hóa; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú tại: ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: công nhân; con ông Vũ Văn T14, sinh năm và bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1953; là con thứ tư trong gia đình có 06 anh chị em; có vợ là Bùi Thị T15, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

16. Đỗ Văn Đ2, sinh năm 1979 tại thành phố Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 349/21 L, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Đỗ Văn H8 và bà Đỗ Thị T16, sinh năm 1958; là con thứ ba trong gia đình có 04 anh chị em; có vợ là Phạm Thị M1, sinh năm 1981; có 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Ngọc Thanh H9, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ E, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Nhữ Sỹ B1, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trần Văn C2 là người quản lý nhà hàng tiệc cưới “Út Liêm” ở khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ngày 15/4/2019, C2 cho Nguyễn Văn

L4 thuê nhà hàng tiệc cưới “Út Liêm”, để L4 cùng Đặng Văn T1, Lương Văn T3, Ngô Kim N, Lê Văn L2, Lê Minh T và các đối tượng H10, M4, T17, H11 (chưa rõ nhân thân) tổ chức sòng bạc. Những người tham gia đánh bạc gồm Phạm Văn Q1, Hoàng Anh D, Vũ Thị H5, Lương Văn Đ1, Vũ Văn T13, Bùi Văn T11, Đỗ Văn Đ2, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Thanh C1, Hồ Văn T9 và một số đối tượng (không rõ nhân thân) với hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. T17, H11 (không rõ nhân thân) là người xóc đĩa, cân tiền cho các con bạc đánh bạc. Trình là người quản lý để không xảy ra gian lận và thu tiền xâu trong sòng bạc. L2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38P1-334.36 để chở các con bạc đến sòng bạc đánh bạc và canh gác tại sòng bạc. Lê Minh T điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển kiểm soát 72A-147.28 chở các con bạc đến sòng bạc đánh bạc. Khi con bạc đã vào sòng bạc, Lê Minh T vào sòng bạc phụ giúp T1 chia tiền thắng thua cho các con bạc. Lương Văn T3 và Ngô Kim N là người canh gác và giữ xe cho các con bạc đến đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang Phạm Văn Q1, Hoàng Anh D, Vũ Thị H5, Lương Văn Đ1, Vũ Văn T13, Bùi Văn T11, Đỗ Văn Đ2, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Thanh C1 và Hồ Văn T9 đang đánh bạc; thu giữ trên chiếu bạc 42.800.000 đồng, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 136.400.000 đồng. Hồ Văn T9 chạy thoát, đến ngày 17/5/2019, T9 bị bắt giữ.

Số tiền từng người sử dụng đánh bạc như sau:

- Nguyễn Thị Thanh C1 đem theo và sử dụng 70.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 1.000.000 đồng, trả tiền xâu 01 lần 50.000 đồng, tất cả số tiền này để trong người thì bị thu giữ.

- Hoàng Anh D đem theo và sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc, khi D vừa đặt cược ván đầu tiên 1.000.000 đồng thì bị bắt, Dương cầm 1.000.000 đồng bỏ lên người thì bị thu giữ.

- Vũ Thị H5 đem theo và sử dụng 5.700.000 đồng để đánh bạc, thua 500.000 đồng còn 5.200.000 đồng để trong người bị thu giữ.

- Trần Quốc S đem theo 20.000.000 đồng sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, thua 4.500.000 đồng còn lại 500.000 đồng sử dụng đánh bạc và 15.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc để trong người thì bị thu giữ.

- Phạm Văn Q1 đem theo và sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, thua 3.600.000 đồng, còn 1.400.000 đồng để trong người thì bị thu giữ.

- Lương Văn Đ1 đem theo 5.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc và để dưới chiếu bạc, còn 2.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc để trong người thì bị thu giữ.

- Hồ Văn T9 sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc, thua 1.500.000 đồng còn 1.500.000 đồng để dưới chiếu bạc thì bị thu giữ.

- Bùi Văn T11 sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, thua 1.500.000 đồng còn lại 1.000.000 đồng bị thu giữ.

- Vũ Văn T13 đem theo và sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, thắng 3.000.000 đồng, được tổng số tiền 4.200.000 đồng để trong người thì bị thu giữ.

- Đỗ Văn Đ2 sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng, còn lại 400.000 đồng để dưới chiếu bạc thì bị thu giữ.

Ngoài ra, trong quá trình đánh bạc có Trần Tấn H12, Phan Đình Đ3, Hoàng Văn N2 và Hoàng Văn S2 tham gia đánh bạc và nghỉ trước khi bị bắt quả tang. Cụ thể: Trần Tấn H12 đem theo 260.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc và thua hết nên ngồi xem; Phan Đình Đ3 đem theo 4.000.000 đồng để đánh bạc, thua 3.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng để trong người thì bị thu giữ; Hoàng Văn N3 đem theo 4.000.000 đồng để đánh bạc và thua hết nên ngồi xem; Hoàng Văn S2 đem theo 1.800.000 đồng để đánh bạc và thua 1.500.000 đồng, còn 300.000 đồng để trong người và ngồi xem thì bị thu giữ.

Quá trình điều tra làm rõ: ngoài lần đánh bạc nêu trên, từ đầu tháng 4/2019 đến ngày 15/4/2019, Trần Văn C2 đã cho L4 và đồng bọn thuê Nhà hàng tiệc cưới “Út Liêm” để tổ chức đánh bạc 05 lần, L4 đã trả cho C2 3.000.000 đồng, C2 đã tiêu xài hết.

Đặng Văn T1 được H10 thuê quản lý và thu tiền xâu trong sòng bạc được 04 ngày, được H10 trả tiền công 03 ngày là 1.500.000 đồng để trong người và bị thu giữ.

Lê Văn L2 được T1 thuê chở các con bạc đến sòng bạc để đánh bạc 05 ngày, được Trình trả 2.000.000 đồng, L2 đã tiêu xài 1.615.000 đồng, còn 385.000 đồng để trong người và bị thu giữ.

Lê Minh T đã chở khách đến đánh bạc tại Nhà hàng “Út Liêm” 02 lần, mới được trả tiền công 2.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Lương Văn T3 canh gác và giữ xe cho các con bạc đến đánh bạc 03 ngày, mới được T (không rõ nhân thân) trả tiền công 02 ngày là 1.000.000 đồng, T3 trả cho Ngô Kim N (là người Trung thuê để giúp Trung canh giới và giữ xe) 250.000 đồng, tiêu xài hết 550.000 đồng, còn 200.000 đồng bị thu giữ.

Ngô Kim N canh gác và giữ xe giúp T3 ở sòng bạc 02 ngày, mới được T3 trả công 250.000 đồng và tiêu xài hết.

Tổng số tiền đánh bạc bị thu giữ là 136.400.000 đồng, gồm 42.800.000 đồng thu trên chiếu bạc và 93.600.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo sử

dụng để đánh bạc. Đối với số tài sản thu giữ nhưng không liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã giao trả cho chủ sở hữu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Văn L4, Lê Văn L2, Lương Văn T3, Ngô Kim N, Đặng Văn T1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng: các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt: Nguyễn Văn L4 01 năm 06 tháng tù; Lê Minh T 01 năm 04 tháng tù; Đặng Văn T1 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Lê Văn L2 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Lương Văn T3 01 năm 02 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Ngô Kim N 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn C2 phạm tội “Gá bạc”. Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt Trần Văn C2 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q1, Hoàng Anh D, Vũ Thị H5, Lương Văn Đ1, Vũ Văn T13, Bùi Văn T11, Đỗ Văn Đ2, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Thanh C1 và Hồ Văn T9 phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt: Trần Quốc S 01 năm 06 tháng tù; Vũ Văn T13, Lương Văn Đ1, Bùi Văn T11 mỗi bị cáo với mức hình phạt 12 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt: Nguyễn Thị Thanh C1 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung 10.000.000 đồng; Hoàng Anh D 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung 10.000.000 đồng; Hồ Văn T9 01 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung 10.000.000 đồng; Phạm Văn Q1 01 năm 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung 10.000.000 đồng; Vũ Thị H5 01 năm 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung 10.000.000 đồng; Đỗ Văn Đ2 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/11/2020, Lê Minh T, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11 kháng cáo xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 16/11/2020, Nguyễn Văn L4 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định: chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn L4, Lê Minh T, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, đ và e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn L4 08 tháng 18 ngày tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2020. Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho Nguyễn Văn L4 ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Minh T 50.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Quốc S 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao Trần Quốc S cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách; xử phạt Lương Văn Đ1 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; xử phạt Bùi Văn T11 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11 cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách; các bị cáo Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11 bị xét xử về tội “Đánh bạc”.

- Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra vụ án theo thẩm quyền, tránh bỏ lọt tội phạm đối với Trần Tấn H12. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 225/QĐ-VC3-V1 ngày 29/9/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án hình sự phúc thẩm và bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2022/HS-GĐT ngày 18/01/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử phúc thẩm lại đối với các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Văn L4, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11 theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định: hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chuyển hồ sơ về Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để điều tra, truy tố, xét xử lại toàn bộ vụ án.

Tại Công văn số 1674/TA-HS ngày 26/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai với lý do:

Quyết định giám đốc thẩm số 06/2022/HS-GĐT ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ hủy một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử lại về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn L4, Lê Minh T, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11; giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; không hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và Bản án phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/11/2021 của Tòa án Đồng Nai về phần tách hành vi của các đối tượng Trần Tấn H12, Phan Đình Đ3, Hoàng Văn N2 và Hoàng Văn S2 để điều tra thành một vụ án khác.

Tuy nhiên, khi xét xử phúc thẩm lại, ngoài việc xem xét lại hình phạt đối với các bị cáo có kháng cáo (Nguyễn Văn L4, Lê Minh T, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11), tại Bản án phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022, Tòa án Đồng Nai lại hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại đối với tất cả các bị cáo, bao gồm cả những bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị (Phạm Văn Q1, Hoàng Anh D, Vũ Thị H5, Vũ Văn T13, Đỗ Văn Đ2, Hồ Văn T9, Lê Văn L2, Lương Văn T3) và cả các đối tượng chưa bị khởi tố (Trần Tấn H12, Phan Đình Đ3, Hoàng Văn N2 và

Hoàng Văn S2), đồng thời xem xét thêm tội “Tổ chức đánh bạc” đối với Hồ Văn T9. Quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai làm mất tính ổn định của bản án sơ thẩm, gây ảnh hưởng đến việc chấp hành án của các bị cáo trong vụ án.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2022/KN-HS ngày 03/02/2023, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 15/4/2019, tại nhà hàng T18 thuộc khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do Trần Văn C2 quản lý, Nguyễn Văn L4, Đặng Văn T1, Lương Văn T3, Ngô Kim N, Lê Văn L2, Lê Minh T có hành vi tổ chức đánh bạc; Phạm Văn Q1, Hoàng Anh D, Vũ Thị H5, Lương Văn Đ1, Vũ Văn T13, Bùi Văn T11, Đỗ Văn Đ2, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Thanh C1, Hồ Văn T9 có hành vi đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc bị thu giữ là 136.400.000 đồng gồm: 42.800.000 đồng thu trên chiếu bạc và 93.600.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo sử dụng đánh bạc. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đề nghị truy tố và xét xử 06 bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” là Nguyễn Văn L4, Đặng Văn T1, Lương Văn T3, Ngô Kim N, Lê Văn L2, Lê Minh T; 10 bị cáo về tội “Đánh bạc” là Phạm Văn Q1, Hoàng Anh D, Vũ Thị H5, Lương Văn Đ1, Vũ Văn T13, Bùi Văn T11, Đỗ Văn Đ2, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Thanh C1, Hồ Văn T9; 01 bị cáo về tội “Gá bạc” là Trần Văn C2.

[2] Đối với hành vi của Lê Minh T, Nguyễn Văn L4, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11: tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2022/HS-GĐT ngày 18/01/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Nguyễn Văn L4, Lê Minh T, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11 kháng cáo xin giảm hình phạt. Tòa án cấp phúc thẩm đưa ra những tình tiết không phải là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt để tiếp tục giảm hình phạt, chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc cho hưởng án treo đối với các bị cáo là không nghiêm, không phù hợp với tính chất của hành vi phạm tội. Do đó, chấp

nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử phúc thẩm lại đối với các bị cáo Nguyễn Văn L4, Lê Minh T, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11. Khi xét xử phúc thẩm lần thứ hai, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về những sai sót tại Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/01/2021 là vượt quá thẩm quyền, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Ngoài ra, hành vi phạm tội của Lê Minh T, Nguyễn Văn L4, Trần Quốc S, Lương Văn Đ1 và Bùi Văn T11 đã được điều tra đầy đủ, rõ ràng nhưng khi xét xử phúc thẩm lại, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không quyết định hình phạt đối với các bị cáo mà hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để điều tra, xét xử lại đối với các bị cáo này là không có căn cứ, áp dụng không đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có căn cứ cho rằng hành vi phạm tội của Nguyễn Văn L4 thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 21/2021/HS-PT ngày 20/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kết án Nguyễn Văn L4 theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015) thì Hội đồng xét xử có thẩm quyền kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm về phân trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn L4.

[4] Đối với hành vi của Hồ Văn T9: tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2022/HS-GĐT ngày 18/01/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: “Nếu có căn cứ cho rằng hành vi của Hồ Văn T9 đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” thì cơ quan có thẩm quyền truy tố, xét xử theo quy định pháp luật”. Tại Văn bản số 19844/CSĐT-HS ngày 25/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B có quan điểm như sau: “Không có căn cứ xác định Hồ Văn T9 là người tổ chức sòng bạc tại nhà hàng T18 và KCN L”. Do đó, việc Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Hồ Văn T9 về tội “Tổ chức đánh bạc” là không cần thiết.

[5] Về hình phạt đối với Lê Văn L2, Lương Văn T3, Ngô Kim N, Đặng Văn T1, Phạm Văn Q1, Hoàng Anh D, Vũ Thị H5, Vũ Văn T13, Đỗ Văn Đ2 và Hồ Văn T9: theo báo cáo của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì một số người bị kết án đã thi hành án xong, một số người đã thi hành được 2/3 mức án. Trong khi đó, đây là vụ án đánh bạc và tổ chức đánh bạc là 136.400.000 đồng nhưng số tiền mỗi lần đánh bạc của từng bị cáo không lớn nên việc Tòa án nhân

dân tỉnh Đồng Nai hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để xét xử sơ thẩm lại về hình phạt đối với các bị cáo nêu trên làm ảnh hưởng đến việc chấp hành án, gây bất lợi trong công tác tổ chức thi hành án.

[6] Đối với Trần Tấn H12, Phan Đình Đ3, Hoàng Văn N2 và Hoàng Văn S2: theo kết quả điều tra lại tại Văn bản số 19844/CSĐT-HS ngày 25/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai có quan điểm như sau: “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách vụ án đối với Trần Tấn H12, Phan Đình Đ3, Hoàng Văn N2 và Hoàng Văn S2 tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau”. Như vậy, trường hợp có căn cứ cho rằng hành vi của Trần Tấn H12, Phan Đình Đ3, Hoàng Văn N2 và Hoàng Văn S2 đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm thì các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền truy tố, xét xử những người này bằng một vụ án khác. Do đó, việc Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 593/2020/HS-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vì cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Trần Tấn H12, Phan Đình Đ3, Hoàng Văn N2 và Hoàng Văn S2 là không cần thiết.

[7] Từ những nhận định trên, nhận thấy Bản án hình sự phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về giới hạn xét xử; đồng thời, có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Do đó, chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án hình sự phúc thẩm nêu trên để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391, Điều 395 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2023/KN-HS ngày 03/02/2023 của Chánh án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án hình sự phúc thẩm số 293/2022/HS-PT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Tp. HCM (để b/c);
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai (kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan thi hành án hình sự - Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Các UBND xã/phường theo nơi cư trú của những người kết án;
- Người bị kết án;
- Lưu: P.LTHS, P.GĐKT1, HS, THS (TTCL).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thiện